TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 98/2026/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 23 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 113/2026/TLST-HNGĐ, ngày 06/5/2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*", giữa:

Nguyên đơn: Chị Sải Thị S, sinh năm 1988; số căn cước công dân: 002188001416 cấp ngày 10/4/2021; địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Lù Xuân K, sinh năm 1994; số căn cước công dân: 002094000935 cấp ngày 10/4/2021; địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Tuyên Quang Quang.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; Điều 19; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án";

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Sải Thị S và anh Lù Xuân K.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Sải Thị S và anh Lù Xuân K nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Sải Thị S và anh Lù Xuân K thỏa thuận, sau ly hôn anh Lù Xuân K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lù

Thị T, sinh ngày 14/10/2020 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Sải Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không bị ai cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Sải Thị S và anh Lù Xuân K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Sải Thị S và anh Lù Xuân K thống nhất thoả thuận chị Sải Thị S chịu toàn bộ 150.000 đồng tiền án phí ly hôn. Được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Sải Thị S đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai số 0000923 ngày 06/5/2026. Trả lại chị Sải Thị S 150.000 đồng tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 6 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Thàng Tín, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS-BP.

THẨM PHÁN

Nông Thế Chiến